

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 3 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN TỈNH YÊN BÁI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Việt Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Xuân Phong

2. Ông Đoàn Văn Hà

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trọng Hiếu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Cường Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 363/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Ngô Văn H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trịnh Thị T trình bày: Chị và anh Ngô Văn H kết hôn ngày 25/12/2002, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái, việc kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2014 thì mâu thuẫn, nhiều lần anh H chửi bới đánh đập chị thậm tệ, lần gần đây nhất anh H đánh chị vào hồi cuối tháng 10/2019, có lần anh H đánh chị

do ghen tuông, có lần anh H yêu cầu chị đưa tiền cho để đi đánh bạc chị không đưa thì anh H cũng đánh. Việc anh H chửi, đánh chị diễn ra đã nhiều năm, gia đình cũng đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H không sửa chữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 người con chung là Ngô Tuấn V sinh ngày 25/3/2003 và Ngô Phương L sinh ngày 20/11/2004. Nay vợ chồng ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các cháu. Chị nhận trực tiếp nuôi cháu L, còn anh H nuôi cháu V và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung của vợ chồng: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 13/01/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Ngô Văn H trình bày: Anh và chị Trịnh Thị T kết hôn ngày 25/12/2002, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái, việc kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc không có gì mâu thuẫn lớn. Từ năm 2009 anh đi làm ăn ở nơi xa thỉnh thoảng mới về, trong cuộc sống vợ chồng có lúc cãi nhau vì những lý do nhỏ nhặt, có vài ba lần do bức tức anh có tát chị T một, hai cái xong lại thôi, có lần anh đi uống rượu về chị T cũng nói dẫn đến cãi nhau, cũng có lần nghe dư luận chị T không chung thủy anh có hỏi thì vợ chồng lại cãi nhau. Thỉnh thoảng anh có đi chơi bài (đánh phỏm ăn tiền), có một lần anh bảo chị T đưa tiền để chơi bài nhưng chị T không đưa, dẫn vợ chồng cãi nhau. Nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh và chị T có 02 người con chung là Ngô Tuấn V sinh ngày 25/3/2003 và Ngô Phương L sinh ngày 20/11/2004. Nếu vợ chồng ly hôn thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai người con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung của vợ chồng: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, anh H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa 2 lần nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do, việc Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh H là đúng quy định.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về Quan hệ hôn nhân, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh H; về nuôi con chung, giao cháu Ngô Phương L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo

đục, giao cháu Ngô Tuấn V cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào và có quyền thăm nom con.

- Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trịnh Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ngô Văn H và yêu cầu giải quyết việc nuôi con khi ly hôn. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị T và anh Ngô Văn H kết hôn ngày 25/12/2002, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện, tại thời điểm kết hôn chị T, anh H đều đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H cũng có lúc mải chơi, nghi ngờ chị T không chung thủy dẫn đến nhiều lần anh chị cãi chửi nhau, có lần anh H đánh chị T, sự việc kéo dài đã nhiều năm. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị T vẫn một mực xin ly hôn, Tòa án đã triệu tập họp lệ đối với anh Ngô Văn H đến phiên tòa xét xử vụ án vào các ngày 19/02/2020 và 11/3/2020 nhưng anh H đều vắng mặt. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T đối với anh H, xử cho chị T được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị T và anh H có 02 người con chung là Ngô Tuấn V sinh ngày 25/3/2003 và Ngô Phương L sinh ngày 20/11/2004. Xét về điều kiện, khả năng thì chị T và anh H đều có đủ điều kiện, khả năng nuôi con và theo nguyện vọng của cháu V mong muốn được ở với anh H, còn cháu L có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, giao cho chị T, anh H mỗi người trực tiếp nuôi một người con theo nguyện vọng của các con. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 56, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Xử cho chị Trịnh Thị T được ly hôn anh Ngô Văn H.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Ngô Tuấn V, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2003 cho anh Ngô Văn Hg trực tiếp nuôi dưỡng;

Giao cháu Ngô Phương L, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2004 cho chị Trịnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nên nào;

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0003414 ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Trịnh Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Ngô Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- UBND xã P, huyện V;
- Chị T;
- Anh H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Việt Hà**

